



HAGL Group



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý III năm 2013

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 36

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO
ngày 30 tháng 9 năm 2013

B01a-DN

Ngân VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.007.105.981	9.489.203.945
110	<i>I. Tiền</i>		1.025.124.746	782.646.261
111	1. Tiền	4	1.025.124.746	782.646.261
120	<i>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		9.194.461.843	7.775.903.721
131	1. Phải thu khách hàng	6	234.775.499	266.835.767
132	2. Trả trước cho người bán	7	191.419.183	107.568.998
135	3. Các khoản phải thu khác	8	8.768.267.161	7.402.120.175
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(621.219)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>		531.915.762	646.499.720
141	1. Hàng tồn kho	9	531.915.762	646.499.720
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		173.820.390	202.371.003
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.881.420	56.837.147
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.005.746	37.860.498
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		384.880	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	161.548.344	107.673.358
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.192.240.212	10.772.593.790
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		634.145.978	640.604.526
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	349.123.185	345.739.629
222	Nguyên giá		440.047.646	429.242.966
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(90.924.461)	(83.503.337)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	94.122.102	94.672.684
228	Nguyên giá		96.605.812	97.119.811
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.483.710)	(2.447.127)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	190.900.691	200.192.213
240	<i>II. Bất động sản đầu tư</i>		14.876.170	-
241	Nguyên giá		15.001.180	-
242	Giá trị hao mòn lũy kế		(125.010)	-
250	<i>III. Các khoản đầu tư dài hạn</i>		10.503.153.681	9.994.731.350
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	10.270.356.885	9.697.066.228
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	12.500.000	12.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	15	226.296.796	285.165.122
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000)	-
260	<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>		40.064.383	137.257.914
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	39.596.823	136.460.631
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29 2	-	329.723
268	3. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.199.346.193	20.261.797.735

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 9 năm 2013

B01a-DN

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.350.069.550	10.975.961.313
310	I. Nợ ngắn hạn		4.932.079.494	3.982.833.741
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	1.566.651.295	1.079.799.184
312	2. Phải trả người bán	18	70.059.591	207.047.462
313	3. Người mua trả tiền trước	19	569.845.929	289.313.258
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	27.235.145	38.671.150
315	5. Phải trả người lao động		7.977.840	6.663.713
316	6. Chi phí phải trả	21	150.772.024	367.970.286
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	2.486.827.961	1.939.686.048
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		52.709.709	53.682.640
330	II. Nợ dài hạn		5.417.990.056	6.993.127.572
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.598.140	7.592.007
334	2. Vay và nợ dài hạn	23	5.410.391.916	6.985.535.565
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.849.276.643	9.285.836.422
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	11.849.276.643	9.285.836.422
411	1. Vốn cổ phần		7.181.546.930	5.373.710.490
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.544.438.784	2.880.972.568
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		228.608.370	223.672.692
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		886.059.822	798.857.935
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.199.346.193	20.261.797.735



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 11 năm 2013

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2013

B02a-DN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Đơn vị: Ngàn VNĐ
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	214.004.896	473.918.903	798.441.591	1.654.364.347	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(158.605)	(149.744)	(380.832)	(307.621)	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	213.846.291	473.769.159	798.060.759	1.654.056.726	
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(170.294.423)	(434.904.467)	(674.485.693)	(1.497.644.646)	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.551.868	38.864.692	123.575.066	156.412.080	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	243.508.641	299.819.430	919.163.289	833.932.248	
22	7. Chi phí tài chính	27	(233.326.772)	(283.868.348)	(784.018.336)	(739.140.982)	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(216.171.076)	(256.571.718)	(727.740.826)	(664.317.499)	
24	8. Chi phí bán hàng		(13.853.670)	(12.114.353)	(44.245.015)	(41.315.205)	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(20.405.128)	(20.223.690)	(63.609.099)	(59.892.238)	
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		19.474.939	22.477.731	150.865.905	149.995.903	
31	11. Thu nhập khác	28	15.302.676	5.497.174	20.558.340	11.885.119	
32	12. Chi phí khác	28	(20.889.318)	(3.796.551)	(40.377.672)	(48.742.959)	
40	13. (Lỗ) lãi khác	28	(5.586.642)	1.700.623	(19.819.332)	(36.857.840)	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2013

B02a-DN

Ngân VND

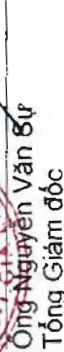
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		13.888.297	24.178.354	131.046.573	113.138.063
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	-	(8.414.689)	(32.003.287)	(52.146.173)
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	29	-	(63.887)	(329.723)	867.614
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		13.888.297	15.699.778	98.713.563	61.859.504


 Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 14 tháng 11 năm 2013


 Bà Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng




 Ông Nguyễn Văn Sự
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2013

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		131.046.573	113.138.063
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		17.969.958	16.273.310
03	Các khoản dự phòng		5.378.781	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(922.763.172)	(740.727.325)
06	Chi phí lãi vay	27	727.740.826	664.317.499
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(40.627.034)	53.001.547
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(761.627.596)	175.713.099
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		99.582.778	(113.132.248)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		425.604.556	(164.487.561)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		45.706.028	(2.561.338)
13	Tiền lãi vay đã trả		(714.591.799)	(444.525.233)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.408.264)	(187.093.043)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.145.540
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.548.928)	(16.527.455)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(960.910.259)	(698.466.690)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(18.000.608)	(81.498.619)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		5.217.657	7.005.582
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.857.784.410)	(2.312.573.634)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.769.969.040	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.060.626.905)	(1.002.326.059)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.693.357.500	117.025.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		180.562.714	551.268.512
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(287.305.012)	(2.721.099.218)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.052.599.770	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.518.599.839	4.420.088.124
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.080.505.853)	(2.391.230.059)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.490.693.756	2.028.858.065
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		242.478.485	(1.390.707.843)
60	Tiền đầu kỳ		782.646.261	2.334.979.337
70	Tiền cuối kỳ	4	1.025.124.746	944.271.494



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sư
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 11 năm 2013

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (22) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có 12 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11 công ty con và 2 công ty liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh số 14 của các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 38 công ty con cấp bên dưới, trong đó, 2 công ty con đã được quyết định thanh lý.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía đường và cọ dầu; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngân đồng Việt Nam ("Ngân VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý III năm 2013 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Các báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3.7 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây và chi phí triển khai phần mềm tin học của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Chi phí triển khai phần mềm tin học

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc triển khai phần mềm tin học như chi phí bản quyền phần mềm, chi phí cài đặt và chi phí đào tạo.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị hợp lý tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hòa hoãn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

> Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.024.063.308	780.985.450
Tiền mặt tại quỹ	1.043.639	1.587.335
Tiền đang chuyển	17.799	73.476
Tổng cộng	<u>1.025.124.746</u>	<u>782.646.261</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	78.787.485	149.481.784
Phải thu tiền bán căn hộ	92.321.051	87.355.528
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	63.666.963	29.998.455
Tổng cộng	<u>234.775.499</u>	<u>266.835.767</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	135.939.229	86.453.704
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	55.479.954	21.115.294
Tổng cộng	<u>191.419.183</u>	<u>107.568.998</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	6.205.209.133	6.624.027.708
Cho vay ngắn hạn các công ty	601.762.839	583.716.823
Cho các công ty khác mượn	383.813.074	118.269.668
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	1.371.294.000	15.979.275
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	9.465.889	15.794.000
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	180.422.022	5.331.088
Các khoản khác	16.300.204	39.001.613
Tổng cộng	8.768.267.161	7.402.120.175

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	396.376.734	494.578.112
Thành phẩm	29.849.524	16.387.335
Hàng hóa	53.224.172	60.827.370
Sản phẩm dở dang	33.962.848	65.714.682
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	22.013.453	61.683.174
<i>Sản xuất</i>	11.699.358	3.969.225
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	250.037	62.283
Nguyên vật liệu	492.588	578.765
Vật liệu xây dựng	16.794.998	7.216.926
Công cụ, dụng cụ	1.214.898	1.196.530
Tổng cộng	531.915.762	646.499.720

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tạm ứng cho nhân viên	161.498.224	107.361.197
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	262.041
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	161.548.344	107.673.358

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngân VND
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	312.353.074	43.907.356	56.567.388	7.025.413	6.698.345	2.691.390	429.242.966
Tăng trong kỳ	12.294.252	13.654.942	35.503	798.354	11.096	172.990	26.967.137
Thanh lý trong kỳ	(2.522.750)	(697.117)	(508.245)	(159.982)	-	(334.587)	(4.222.681)
Phân loại lại	(2.539.396)	7.192.235	(9.209.390)	(438.138)	-	(802.121)	(5.796.810)
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	(421.356)	(2.102.003)	(241.363)	(3.139.234)	(39.069)	(199.941)	(6.142.966)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	319.163.824	61.955.413	46.643.893	4.086.413	6.670.372	1.527.731	440.047.646
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	(41.225.456)	(16.190.589)	(19.276.146)	(3.511.352)	(2.052.992)	(1.246.802)	(83.503.337)
Tăng trong kỳ	(7.212.034)	(4.364.051)	(3.936.308)	(674.927)	(720.996)	(144.922)	(17.053.238)
Thanh lý trong kỳ	314.501	361.010	125.813	143.019	-	334.587	1.278.930
Phân loại lại	6.582	(934.017)	5.924.004	559.782	139.133	-	5.695.484
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	160.428	976.468	47.862	1.274.437	22.158	176.347	2.657.700
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	(47.955.979)	(20.151.179)	(17.114.775)	(2.209.041)	(2.612.697)	(880.790)	(90.924.461)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	271.127.618	27.716.767	37.291.242	3.514.061	4.645.353	1.444.588	345.739.629
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	271.207.845	41.804.234	29.529.118	1.877.372	4.057.675	646.941	349.123.185

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Ngân VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	91.690.405	5.429.406	97.119.811
Tăng trong kỳ	-	21.490	21.490
Thanh lý trong kỳ	-	(370.840)	(370.840)
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	-	(164.649)	(164.649)
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>91.690.405</u>	<u>4.915.407</u>	<u>96.605.812</u>
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	(2.447.127)	(2.447.127)
Tăng trong kỳ	-	(488.207)	(488.207)
Thanh lý trong kỳ	-	370.840	370.840
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	-	80.784	80.784
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>-</u>	<u>(2.483.710)</u>	<u>(2.483.710)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>91.690.405</u>	<u>2.982.279</u>	<u>94.672.684</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2013	<u>91.690.405</u>	<u>2.431.697</u>	<u>94.122.102</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngân VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	127.760.231	121.929.088
Nhà xưởng và vật kiến trúc	31.734.758	41.379.565
Chi phí trồng cây cao su	23.389.781	23.377.781
Các công trình xây dựng khác	8.015.921	13.505.779
Tổng cộng	<u>190.900.691</u>	<u>200.192.213</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 9 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp	Đang hoạt động	91,17	3.638.100.000	91,17	3.331.783.464
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	98,19	3.253.537.647	99,41	3.294.129.247
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Bất động sản	Đang hoạt động	99,92	359.700.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,63	1.530.303.300	92,63	1.527.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	-	-	78,94	100.986.248
Các Công ty con đang trong giai đoạn tái cấu trúc						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	94.740.417
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Xây dựng	Đang hoạt động	49,00	40.591.600	-	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn và Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai	Dịch vụ	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	280.000
Tổng cộng				10.270.356.885		9.697.066.228



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	25,00	7.500.000	25,00	7.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn, thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Tổng cộng			12.500.000		12.500.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Cho Chính phủ Lào vay (i)	102.116.994	186.471.568
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.513	81.183.513
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	25.636.248	150.000
Tổng cộng	226.296.796	285.165.122

(i) Khoản cho Chính phủ Lào vay thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ
	9 tháng năm 2013
Số nợ gốc đầu năm	8.958.949
Được hoàn trả tiền trong kỳ	(4.000.000)
Số dư nợ gốc cuối kỳ	4.958.949
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	102.116.994

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ
	9 tháng năm 2013
Số dư đầu năm	136.460.631
Tăng trong kỳ	27.142.434
	163.603.065
Chi phí phân bổ trong kỳ	(41.609.101)
Điều chỉnh chi phí phát hành của trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	(74.089.398)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	(8.307.743)
Số dư cuối kỳ	39.596.823

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vay ngắn hạn ngân hàng	388.684.626	439.957.713
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.100.000.000	-
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 23)	77.966.669	639.841.471
Tổng cộng	1.566.651.295	1.079.799.184

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

18. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	63.766.266	165.303.247
Phải trả nhà thầu xây dựng	6.293.325	39.843.110
Phải trả người bán máy móc thiết bị	-	1.901.105
Tổng cộng	70.059.591	207.047.462

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Khách hàng thương mại trả tiền trước	465.940.203	203.936.821
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	103.905.726	85.376.437
Tổng cộng	569.845.929	289.313.258

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.991.102	36.707.117
Thuế thu nhập cá nhân	704.303	1.080.516
Thuế giá trị gia tăng	431.420	479.545
Các khoản phải nộp khác	108.320	403.972
Tổng cộng	27.235.145	38.671.150

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí lãi vay	149.436.404	359.057.566
Các khoản khác	1.335.620	8.912.720
Tổng cộng	150.772.024	367.970.286

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả các công ty con (<i>Thuyết minh số 30</i>)	2.464.330.382	1.907.735.410
Các khoản khác	22.497.579	31.950.638
Tổng cộng	<u>2.486.827.961</u>	<u>1.939.686.048</u>

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngân VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Trái phiếu thường trong nước	4.146.073.000	3.580.000.000
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	-	1.100.000.000
Trái phiếu thường quốc tế	-	1.520.711.335
Vay dài hạn ngân hàng	212.285.585	294.665.701
Tổng cộng	<u>5.488.358.585</u>	<u>7.625.377.036</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 17)</i>	77.966.669	639.841.471
<i>Nợ dài hạn</i>	5.410.391.916	6.985.535.565

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Ngàn VNĐ					
24.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng lãi chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	98.713.563	98.713.563
Phát hành cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.935.678	(7.897.086)	(2.961.408)
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(3.614.590)	(3.614.590)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	228.608.370	886.059.822	11.849.276.643

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>537.371.049</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>537.371.049</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>537.371.049</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

25. DOANH THU	Quý III		Ngân VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
25.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ				
				<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>
Doanh thu gộp	214.004.896	473.918.903	798.441.591	1.654.364.347
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	104.853.717	403.135.992	460.006.142	1.378.823.254
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	25.528.708	50.693.474	127.123.032	169.855.524
Doanh thu căn hộ	64.726.456	9.305.162	156.640.495	56.975.822
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.896.015	10.784.275	54.671.922	48.709.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	(158.605)	(149.744)	(380.832)	(307.621)
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(158.605)</i>	<i>(149.744)</i>	<i>(346.661)</i>	<i>(307.621)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(34.171)</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	213.846.291	473.769.159	798.060.759	1.654.056.726
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	104.853.717	403.135.992	459.971.971	1.378.823.254
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	25.528.708	50.693.474	127.123.032	169.855.524
Doanh thu căn hộ	64.726.456	9.305.162	156.640.495	56.975.822
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.737.410	10.634.531	54.325.261	48.402.126

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

25. DOANH THU (tiếp theo)	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngân VNĐ
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	90.443.500	-	512.737.500	17.187.565	
Lãi cho vay các công ty con	99.047.179	269.855.768	309.688.431	685.799.132	
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.100.076	29.271.370	52.666.134	125.502.498	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.312	567.471	4.681.650	3.326.632	
Cổ tức nhận được	35.779.574	-	39.279.574	1.991.600	
Các khoản khác	110.000	124.821	110.000	124.821	
Tổng cộng	243.508.641	299.819.430	919.163.289	833.932.248	

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngân VNĐ
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	82.542.638	368.841.249	390.402.345	1.255.007.586	
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	22.076.915	51.069.180	113.500.223	165.636.757	
Giá vốn căn hộ	50.840.158	7.590.019	125.822.276	44.948.324	
Giá vốn dịch vụ cung cấp	14.834.712	7.404.019	44.760.849	32.051.979	
Tổng cộng	170.294.423	434.904.467	674.485.693	1.497.644.646	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2013

B09a-DN

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III		Ngàn VNĐ	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm nay	Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	216.171.076	256.571.718	727.740.826	664.317.499
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.932.094	4.257.838	5.314.769	8.416.469
Các khoản khác	9.474.021	23.038.792	50.962.741	66.407.014
Tổng cộng	229.577.191	283.868.348	784.018.336	739.140.982

28. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý III		Ngàn VNĐ	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm nay	Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	15.302.676	5.497.174	20.558.340	11.885.119
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	2.309.687	3.208.452	5.217.657	7.782.706
Các khoản khác	12.992.989	2.288.722	15.340.683	4.102.413
Chi phí khác	(20.889.318)	(3.796.551)	(40.377.672)	(48.742.959)
Các khoản phạt	(359.008)	-	(16.230.221)	(34.300.986)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(2.298.405)	(588.685)	(5.201.875)	(7.005.582)
Các khoản khác	(18.231.905)	(3.207.866)	(18.945.576)	(7.436.391)
(Lỗ) lãi thuần	(5.586.642)	1.700.623	(19.819.332)	(36.857.840)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>9 tháng năm 2013</i>	<i>9 tháng năm 2012</i>
Thuế TNDN hiện hành	32.003.287	52.146.173
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	329.723	(867.614)
TỔNG CỘNG	<u>32.333.010</u>	<u>51.278.559</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau.

	Ngân VND	
	9 tháng năm 2013	9 tháng năm 2012
Lợi nhuận trước thuế	131.046.573	113.138.063
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	-	8.495.228
Các khoản phạt	16.198.278	34.300.986
Các chi phí không được khấu trừ	12.786.449	14.772.288
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.318.891)	3.470.456
Chi phí trích trước chưa khấu trừ trong năm trước đã chi trong kỳ này	-	(4.294.198)
Thu nhập cổ tức	(39.279.574)	(199.890)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	119.432.835	169.682.933
Chi phí thuế TNDN ước tính	29.858.209	42.420.735
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các kỳ trước	2.145.078	9.725.439
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	32.003.287	52.146.173
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	36.706.743	190.509.238
Bổ sung đo tính thiếu	-	1.575.549
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(7.408.264)	(187.093.044)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(35.310.664)	(19.806.534)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	25.991.102	37.331.383

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Ngân VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán riêng		(Chi phí) thu nhập ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 tháng năm 2013	9 tháng năm 2013
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	329.723	(329.723)	867.614
TỔNG CỘNG	-	329.723	(329.723)	867.614

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngân VNĐ
			Số liên
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	54.221.431
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.748.901
		Doanh thu xây dựng	358.986
		Doanh thu khác	3.549.859
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	34.290.412
		Doanh thu xây dựng	30.692
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	24.600.619
		Lãi cho vay	22.454.510
		Doanh thu xây dựng	11.210.210
		Thanh lý tài sản cố định	225.477
		Bán căn hộ	1.046.750
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu khác	5.628.494
		Bán hàng hóa	6.215.481
Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu xây dựng	5.757.657
		Bán hàng hóa	661.754
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa	856.159
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	174.473.560
		Doanh thu xây dựng	50.060.453
		Doanh thu khác	15.621.169
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	10.429.436

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	45.463
Công ty TNHH CRD	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.328.324
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	36.530.125
		Cung cấp dịch vụ	9.175
		Doanh thu khác	103.200
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	82.178.586
		Doanh thu xây dựng	12.117.306
		Thanh lý tài sản cố định	457.281
		Doanh thu khác	317.544
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	31.076.623
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.227.461
		Doanh thu xây dựng	79.905
		Thanh lý tài sản cố định	16.963
		Doanh thu khác	4.466.373
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	52.907.268
		Doanh thu xây dựng	3.071.690
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	97.748.583
		Bán hàng hóa và dịch vụ	529.834
		Doanh thu xây dựng	22.974
		Doanh thu khác	1.751.421
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu xây dựng	14.686.378
		Bán hàng hóa	10.837.558
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	5.461.667
		Mua dịch vụ	1.213.865
		Cung cấp dịch vụ	4.600
		Doanh thu khác	1.210.400
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	25.963.875
		Doanh thu xây dựng	1.713.137
		Doanh thu khác	162.540
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	13.196.948
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	205.333
		Doanh thu khác	672.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	7.397.703
		Doanh thu khác	40.049
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai – Kontum	Công ty con	Bán hàng hóa	20.571.472
		Mua hàng hoá	88.542

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngân VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Bán hàng hóa	172.977
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hoá và dịch vụ	9.781.795
		Bán hàng hóa và dịch vụ	907.611
		Doanh thu xây dựng	82.544
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua dịch vụ	851.068
		Cung cấp dịch vụ	51.234
		Doanh thu xây dựng	96.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	1.165.720
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Thuê thi công hợp đồng xây dựng	26.671.348
		Cổ tức được chia	3.500.000
		Cung cấp dịch vụ	11.013

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau:

Phải thu khách hàng

Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá	7.540.254
		Phải thu hợp đồng xây dựng	44.133.284
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	2.280.349
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	7.080.217
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện	Công ty con	Bán hàng hoá	2.538.837
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	16.052.169
		Phải thu hợp đồng xây dựng	3.116.230
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	10.303.451
		Phải thu hợp đồng xây dựng	2.687.497
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	10.940.056
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	2.710.970
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	8.057.821
Công ty TNHH TM DV Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hoá và dịch vụ	4.173.740
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.796.893
Tổng cộng			<u>124.411.768</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau (tiếp theo)

			Ngân VNĐ
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền dịch vụ	56.688.020
Tổng cộng			<u>56.688.020</u>
Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	388.856.775
		Phải thu chuyển nhượng cổ phiếu	47.367.578
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	111.846.480
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh - Chi nhánh gỗ	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	361.965.989
		Phải thu do chi hộ	290.159
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho mượn tạm	3.450.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	18.740.325
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	432.543.627
		Chi phí trả hộ	113.520
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	500.000
		Bán tài sản	2.483.937
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	3.610.819.494
		Phải thu do chi hộ	37.840
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	269.496.875
		Phải thu do chi hộ	2.440.389
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Cho mượn tạm	103.185.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty con	Cho mượn tạm	2.972.755
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	719.000.000
		Phải thu do chi hộ	585.575
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	51.450.035

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Các khoản phải thu khác (tiếp theo)</i>			
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Phải thu do chi hộ	956.464
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	25.125.417
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	25.618.209
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu do chi hộ	3.360.847
Công ty CP Hoàng Anh Gia Định	Công ty liên kết	Cho mượn tạm	2.500.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	710.343
Tổng cộng			<u>6.205.209.133</u>
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	9.666.320
Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú	Công ty con	Mua hàng hóa	1.181.949
Công ty TNHH MTV Hoàng Thơ	Công ty con	Mua hàng hóa	1.208.897
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	5.068.537
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	477.096
Tổng cộng			<u>18.411.319</u>
<i>Người mua trả tiền trước</i>			
Công ty Cổ phần điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	123.089.279
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	70.952.913
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	21.574.477
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	50.961.249
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	80.440.209
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	52.070.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
Tổng cộng			<u>440.506.889</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngân VNĐ Số tiền
Các khoản phải trả khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Hoán đổi cổ phiếu	629.144.248
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.550.372
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	49.667.026
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	1.109.999.290
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	517.409.405
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	Công ty con	Mượn tiền	147.522.103
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	944.488
Tổng cộng			<u>2.464.330.382</u>

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ("ĐHĐCĐ") số 0910/13/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 9 tháng 10 năm 2013 (lấy ý kiến bằng văn bản), cổ đông phê duyệt các nội dung sau:

- ✓ Chi trả cổ tức năm 2012 bằng tiền với tỷ lệ 5%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 500 đồng).
- ✓ Tái cấu trúc lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Ngày 5 tháng 11 năm 2013, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ra công chúng số 61/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngày 7 tháng 11 năm 2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 943/2013/TB-SGDHCM về ngày đăng ký cuối cùng như sau:

- ✓ Ngày giao dịch không hưởng quyền: 15/11/2013
- ✓ Ngày đăng ký cuối cùng: 19/11/2013

1. Lý do và mục đích:

- Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền
- Thực hiện quyền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2013

B09a-DN

31. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN (tiếp theo)

2. Nội dung cụ thể:

A. Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền

- Tỷ lệ thực hiện: 5%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)
- Thời gian thực hiện: 03/12/2013

B. Thực hiện quyền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú

- Số lượng cổ phần chào bán: 32.957.385 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện: 10.000:458 (01 cổ phiếu được 01 quyền mua, 10.000 quyền được mua 458 cổ phiếu An Phú)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sư
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 11 năm 2013

